

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG ANH
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 87/2021/DS-ST.

Ngày: 12-04-2021.

Về việc: “*Tranh chấp về chia tài sản chung và thừa kế tài sản*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Ngọc Lân.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1, Bà Ngô Thị Thu Hiền.

2, Ông Dương Xuân Đỉnh.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hải Yên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hồng Chiêm - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 04 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 24/2021/TLST-DS ngày 19 tháng 01 năm 2021, về việc: “*Tranh chấp về chia tài sản chung và thừa kế tài sản*”; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2021/QĐXX-ST ngày 23 tháng 03 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Trương Văn Tr, sinh năm 1962; Địa chỉ: Thôn B, xã BH, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

2. *Bị đơn:* Ông Trương Văn Ch, sinh năm 1957; Địa chỉ: Thôn B, xã BH, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Ông Trương Văn Á, sinh năm 1952; Địa chỉ: Cư xá ĐT, Phường x, Quận y, thành phố Hồ Chí Minh.

3.2. Ông Trương Văn Ch1, sinh năm 1968; Địa chỉ: phường z, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh.

3.3. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1963 (*Là vợ ông Tr*); Địa chỉ: Thôn B, xã BH, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

3.4. Chị Trương Thị Thanh H, sinh năm 1984 (*Là con ông Tr, bà M*); Địa chỉ: Thôn K, xã U, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội;

3.5. Chị Trương Thị Thanh L, sinh năm 1988 (*Là con ông Tr, bà M*); Địa chỉ: Thôn Ng, xã NgK, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội;

3.6. Chị Trương Thị Hải Y , sinh năm 1994 (Là con ông Tr, bà M); Địa chỉ: Thôn X, xã XN, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

3.7. Ông Trương Văn T, sinh năm 1966; Địa chỉ: Thôn B, xã BH, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

3.8. Bà Phan Thị Kim O, sinh năm 1970 (Là vợ ông T); Địa chỉ: Thôn B, xã BH, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

- Có mặt: Ông Tr, bà M, ông T.

- Vắng mặt: Ông Ch, ông Á, ông Ch1, chị H, chị L, chị Y và bà O.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ghi ngày 26 tháng 12 năm 2020 và quá trình giải quyết tại Tòa án, nguyên đơn trong vụ án là ông Trương Văn Tr trình bày:

* Về quan hệ hôn nhân, quan hệ huyết thống:

Sinh thời, bố đẻ ông là cụ Trương Văn Ph, sinh năm 1910 (Đã chết ngày 02/12/1981) có 02 vợ đều sinh sống làm ăn ở thôn B, xã BH, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

Vợ cả là cụ Nguyễn Thị B , sinh năm 1907 (Đã chết năm 1985), có 04 người con là: Bà Trương Thị Đ, bà Trương Thị K, bà Trương Thị M và ông Trương Văn Ph (đã chết năm 2005).

Vợ hai là mẹ ông tên là Nguyễn Thị Th , sinh năm 1923, có 04 người con chung, lần lượt là:

1, Ông Trương Văn Á, sinh năm 1952; Địa chỉ: Cư xá ĐT, Phường x, Quận y, thành phố Hồ Chí Minh.

2, Ông Trương Văn Ch, sinh năm 1957; Địa chỉ: Thôn B, xã BH, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

3, Ông là Trương Văn Tr, có vợ là bà Nguyễn Thị M; Có 05 con là: Trương Thị Thanh H, Trương Thị Thanh L, Trương Thị Tuyết Nh, Trương Thị Hải Y và Trương Hải Đ. Chị Nh đã chết từ khi mới sinh được vài tháng tuổi.

4, Ông Trương Văn Ch1, sinh năm 1968; Địa chỉ: phường z, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh.

Ngoài ra, bố mẹ ông không có người con nuôi nào khác.

Cụ Bầy và mẹ ông ở nhà đất riêng và làm kinh tế riêng, con ai người nuôi, không liên quan đến nhau nên giữa mẹ ông và các con của cụ B không có quan hệ nuôi dưỡng đối với nhau.

Khi anh em ông trưởng thành, lấy vợ, lập gia đình ở riêng đều được mẹ ông chia cho mỗi người một thửa đất để làm nhà ở và đăng ký, kê khai chủ sử dụng đất mang tên của từng người, đến nay không có tranh chấp gì.

* Về tài sản chung của gia đình ông di sản thừa kế của mẹ ông:

Khi còn sống, mẹ ông và ông Ch1 đăng ký chung hộ khẩu với gia đình ông và đứng tên mẹ ông là cụ Nguyễn Thị Th là chủ hộ. Năm 2000, gia đình ông được chính quyền địa phương giao sử dụng diện tích 2.308m² đất sản xuất nông nghiệp theo Nghị định 64/CP của Chính phủ, gồm 07 người là: Mẹ ông, ông Ch1, ông, bà M và 03 con ông là chị H, chị L và chị Y, với tiêu chuẩn mỗi người 1/7 diện tích là

329,71m²; Gồm 08 thửa ruộng tại 07 xứ đồng thuộc thôn B, xã BH là: Đồng Ngòi diện tích 595m²; Đồng Hàn Tây diện tích 236m²; Đồng Sói diện tích 119m²; Đồng Góc Dù diện tích 239m²; Đồng Sau Làng diện tích 301m²; Đồng Gò Vườn có 02 thửa: 01 thửa diện tích 314m², 01 thửa diện tích 214m² và đồng Chùa Bụt diện tích 292m².

Năm 2013, Nhà nước thu hồi toàn bộ diện tích 119m² của thửa đồng Sói để xây Trường Trung học cơ sở BH, có đền bù số tiền là: 97.580.000đ (Chín mươi bảy triệu năm trăm tám mươi ngàn đồng). Diện tích đất còn lại là 2.189m², do gia đình ông trực tiếp sử dụng, canh tác hàng năm.

Năm 2017, gia đình ông có đổi cho vợ chồng ông Trương Văn T, bà Phan Thị Kim O là cháu trong họ nội tộc với ông 01 thửa diện tích 212m² tại xứ đồng Gò Vườn, gia đình ông nhận của gia đình ông Tôn 01 thửa ở xứ đồng Ngòi để tiện canh tác. Hai bên chỉ thỏa thuận miệng mà không làm thủ tục chuyển đổi về mặt pháp lý tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Vợ chồng ông T bà O đã đầu tư trồng cây ăn quả trên thửa đất được hơn 03 năm và thu hoạch quả hàng năm.

Năm 2018, Nhà nước thực hiện việc chi trả tiền đền bù do thu hồi thửa đất đồng Sói, yêu cầu anh em ông phải có văn bản thỏa thuận cử người đại diện thì mới được trả tiền. Vì ông Ch có mâu thuẫn với ba anh em ông từ trước, không đồng ý ký văn bản thỏa thuận nên đến nay vẫn chưa được nhận tiền đền bù và xảy ra tranh chấp với nhau.

Nay ông yêu cầu Toà án giải quyết:

- Chia tài sản chung là quyền sử dụng đất sản xuất nông nghiệp cho 07 thành viên trong gia đình theo tiêu chuẩn được giao của mỗi người 1/7 là 312,71m²; Chia số tiền 97.580.000 đồng nhận đền bù do thu hồi 119m² đất đồng Sói cho 07 thành viên trong gia đình mỗi người hưởng 1/7 là 13.940.000 đồng, tương đương với diện tích mỗi người được giao sử dụng là 17m².

Diện tích đất vợ chồng và các con ông được chia cùng với diện tích của ông Ch1 cho sẽ nhận chung để cùng sử dụng.

- Đối với phần tài sản của cụ Th có là 321,71m² đất và 13.904.000 đồng được chia thừa kế cho 04 anh em ông mỗi người hưởng một phần bằng nhau và chia bằng hiện vật để các bên cùng sử dụng. Ông Á và ông Ch1 tự nguyện cho ông hưởng ký phần thừa kế hai ông được chia thì ông đồng ý nhận.

- Đối với thửa đất xứ đồng Gò Vườn diện tích 214m² gia đình ông đã thỏa thuận đổi cho vợ chồng ông T bà O, gia đình ông tiếp tục sử dụng để hai bên duy trì việc đổi đất cho nhau, đảm bảo ổn định canh tác và tài sản của mỗi bên. Gia đình ông và ông Ch chia nhau cùng sử dụng thửa đồng Góc Dù là đất hạng 1 theo tiêu chuẩn được giao để tiện canh tác của hai bên.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 08 tháng 03 năm 2021, bị đơn trong vụ án là ông Trương Văn Ch trình bày: Ông nhất trí với lời khai của ông Tr về quan hệ hôn nhân, quan hệ huyết thống của bố ông là cụ Trương Văn Ph với cụ Nguyễn Thị B và cụ Nguyễn Thị Th; Ông cũng công nhận việc cụ Th và ông Ch1 đăng ký chung Sổ hộ khẩu với gia đình ông Tr và được địa phương giao đất nông nghiệp chung với nhau. Ông khai thêm: Xuất phát từ mâu thuẫn căng thẳng giữa 04 anh em ông

trong việc chăm sóc , nuôi dưỡng mẹ khi còn sống và lo tang ma khi cụ chết nên anh em ông không tự thỏa thuận, giải quyết được với nhau về việc chia tài sản , thừa kế quyền sử dụng đất sản xuất nông nghiệp của mẹ ông có chung với ông Ch1 và gia đình ông Tr. Ông công nhận trước khi chết mẹ ông không để lại di chúc về tài sản và đến nay tài sản của cụ chưa được chia cho ai. Ông đồng ý chia thừa kế tài sản của mẹ ông có theo quy định của pháp luật . Phần của ông được chia hưởng bao nhiêu ông xin nhận bằng đất để ông sử dụng

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1, Ông Trương Văn Á , ông Trương Văn Ch1 khai thống nhất với ông Trương Văn Tr về quan hệ hôn nhân của cụ Phú, cụ Thùng, quan hệ huyết thống của gia đình và đồng ý với quan điểm của ông Tr về chia tài sản chung, chia thừa kế của cụ Th theo quy định của pháp luật . Phần của ông được chia bao nhiêu các ông tự nguyện cho ông Tr hưởng toàn bộ.

2, Bà Nguyễn Thị M, chị Trương Thị Thanh H, chị Trương Thị Thanh L và chị Trương Thị Hải Y cùng có đơn và lời khai nhất trí với yêu cầu khởi kiện của ông Tr nêu trên. Tiêu chuẩn đất sản xuất nông nghiệp của gia đình được chia sẽ nhận chung để cùng sử dụng.

3, Ông Trương Văn T, bà Phan Thị Kim O cùng khai nhất trí với ông Tr bà M về việc hai bên thỏa thuận miệng đổi đất ruộng cho nhau năm 2017. Ông bà đã đầu tư giống, vốn trồng cây ăn quả trên thửa đất Gò Vườn của gia đình ông Tr đến nay được hơn 03 năm và đang thu hoạch hàng năm, không xảy ra tranh chấp gì. Đề nghị được giữ nguyên việc đổi đất để ổn định sản xuất, canh tác và tài sản của mỗi bên.

Tại phiên tòa, về cơ bản các đương sự vẫn giữ nguyên lời khai và quan điểm của mình như đã nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội phát biểu ý kiến:

- Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện hoàn toàn đầy đủ các qui định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Bị đơn là ông Trương Văn Ch và những người có quyền lợi , nghĩa vụ liên quan là ông Trương Văn Á , ông Trương Văn Ch1, chị Trương Thị Thanh H, chị Trương Thị Thanh L , chị Trương Thị Hải Y và bà Phan Thị Kim O vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất nhưng đều có đơn xin vắng mặt.

Về đường lối giải quyết vụ án:

- Xác định tài sản chung của cụ Nguyễn Thị Th và ông Trương Văn Ch 1 cùng 05 người trong gia đình ông Trương Văn Tr có là quyền sử dụng diện tích 2.189m² đất sản xuất nông nghiệp có tại: Thôn B, xã BH trị giá: 295.515.000 đồng và số tiền 97.580.000 đồng được Nhà nước đền bù do thu hồi diện tích 119m² xứ đồng Sói. Tổng cộng là: 393.095.000 đồng. Với kỹ phần của mỗi người có 1/7 là: 56.156.400 đồng (Gồm: 312,71m² đất và 13.940.000 đồng tiền nhận đền bù).

- Cụ Th không để lại di chúc về tài sản nên thừa kế của cụ được chia theo pháp luật cho 04 người con của cụ là : Ông Á ông Ch, ông Tr và ông Ch 1 với kỹ

phần của mỗi người $\frac{1}{4}$ là: 14.039.100 đồng (Gồm: 78,8m² đất và 3.485.100 đồng tiền được đền bù).

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ : Các Điều: 623, 649, 650, 660 và 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Các Điều 100, 188, 190 và 203 Luật Đất đai năm 2013; Điều 26; Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trương Văn Tr về chia tài sản chung và chia thừa kế theo pháp luật.

- Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí có giá ngạch. Ông Á và ông Ch là người cao tuổi nên được miễn nộp toàn bộ tiền án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- Giữa các đương sự trong vụ án tranh chấp với nhau về thừa kế tài sản của cụ Nguyễn Thị Th có là: Quyền sử dụng đất sản xuất nông nghiệp cùng với khoản tiền được đền bù do Nhà nước thu hồi một phần diện tích đất nông nghiệp được giao chung với ông Ch 1 và gia đình ông Tr . Như vậy, trong phạm vi vụ án này, Tòa án giải quyết hai quan hệ pháp luật tranh chấp là chia tài sản chung và chia thừa kế tài sản.

- Quá trình giải quyết và xét xử vụ án, bị đơn trong vụ án là ông Trương Văn Ch và những người có quyền lợi , nghĩa vụ liên quan là ông Trương Văn Á , ông Trương Văn Ch, chị Trương Thị Thanh H, chị Trương Thị Thanh L, chị Trương Thị Hải Y và bà Phan Thị Kim O không tham gia phiên hòa giải và vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất nhưng họ đều có đơn xin vắng mặt . Căn cứ vào các Điều: 228, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định đưa vụ án ra xét xử và dành quyền kháng cáo cho đương sự theo thủ tục chung.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân, quan hệ huyết thống, diện và hàng thừa kế:

Sinh thời, vợ chồng cụ Nguyễn Thị Th, sinh năm 1923 và cụ Trương Văn Ph, sinh năm 1910; Thường trú tại: Thôn B, xã BH, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội có 04 người con chung, lần lượt là: Ông Trương Văn Á, ông Trương Văn Ch, ông Trương Văn Tr và ông Trương Văn Ch1. Ngoài ra, hai cụ không có người con nuôi, cụ Th không có con riêng. Bố mẹ đẻ của cụ Th và cụ Ph đều chết trước hai cụ.

Cụ Ph có vợ cả là cụ Nguyễn Thị B (đã chết năm 1985). Hai cụ có 04 người con chung với cụ B là: Bà Trương Thị Đ, bà Trương Thị Kh, bà Trương Thị M và ông Trương Văn Ph. Ông Ph đã chết năm 2005).

Theo lời khai của các con cụ Th và cung cấp của địa phương thì hôn nhân giữa ba vợ chồng cụ Ph, cụ B và cụ Th được xác lập từ trước khi có Luật Hôn nhân

và gia đình năm 1959. Các cụ không sống chung mà ở nhà đất riêng, làm ăn kinh tế riêng và con ai người đó nuôi dưỡng. Do đó, giữa cụ Th và các con cụ B không có quan hệ nuôi dưỡng đối với nhau. Cụ Ph chết ngày 02 tháng 12 năm 1982 được xác định chết trước cụ Th và trước khi cụ Th được giao quyền sử dụng đất sản xuất nông nghiệp nêu trên nên cụ Ph không có liên quan.

Cụ Th chết ngày 06 tháng 10 năm 2014. Các con của cụ Th gồm: Ông Á, ông Ch, ông Tr và ông Ch1 là những người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất theo pháp luật của cụ.

[2.2]. Về thời điểm mở thừa kế và thời hiệu thừa kế:

Xác định thời điểm mở thừa kế của cụ Nguyễn Thị Th là ngày 06 tháng 10 năm 2014.

Theo quy định tại Điều 623 của Bộ luật Dân sự năm 2015 về thời hiệu thừa kế đối với bất động sản là 30 năm kể từ thời điểm mở thừa kế. Ông Tr nộp đơn khởi kiện chia thừa kế tài sản của cụ Th tại Tòa án ngày 04 tháng 01 năm 2021 là còn trong thời hiệu nên được chấp nhận.

[2.3]. Về tài sản chung của hộ gia đình cụ Nguyễn Thị Th và di sản thừa kế của cụ Nguyễn Thị Th:

Giữa các con cụ Nguyễn Thị Th tranh chấp với nhau về diện tích đất sản xuất nông nghiệp và số tiền được Nhà nước đền bù do thu hồi đất đồng Sói của Hộ gia đình cụ Th được giao sử dụng tại thôn B, xã BH.

Các đương sự đều có lời khai thống nhất và xác định: Tại thời điểm hộ gia đình cụ Th được chính quyền địa phương giao sử dụng 2.308m² đất sản xuất nông nghiệp năm 2000, gồm có 07 người là: Cụ Th, ông Ch1, ông Tr, bà M, chị H, chị L và chị Y.

Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện Đông Anh cấp cho hộ gia đình cụ Nguyễn Thị Th ngày 27 tháng 05 năm 2000 và Phương án giao đất theo Nghị định 64/CP của thôn B, xã BH thể hiện thì, gia đình cụ Th được giao diện tích tổng cộng là 2.308m², gồm 08 thửa tại 07 xứ đồng là: Đồng Ngòi diện tích 595m²; Đồng Hàn Tây diện tích 236m²; Đồng Sói diện tích 119m²; Đồng Gốc Dù diện tích 239m²; Đồng Sau Làng diện tích 301m²; Đồng Gò Vườn có 02 thửa: 01 thửa diện tích 314m², 01 thửa diện tích 214m² và đồng Chùa Bụt diện tích 292m².

Năm 2013, Nhà nước đã có quyết định thu hồi toàn bộ diện tích 119m² của thửa đồng Sói để xây dựng Trường Trung học cơ sở B H có đền bù số tiền là: 97.580.000đ (Chín mươi bảy triệu năm trăm tám mươi ngàn đồng). Diện tích đất sản xuất nông nghiệp còn lại là 2.189m². Diện tích đất sản xuất nông nghiệp của Hộ gia đình cụ Th được giao sử dụng hiện còn là 2.189m².

Hội đồng định giá tài sản ngày 10 tháng 03 năm 2021 đã kết luận tài sản có trị giá là: 2.189m² x 135.000đ/1m² = 295.515.000 đồng.

Tổng cộng tài sản chung của hộ gia đình cụ Th có trị giá là: 97.580.000 đồng + 295.515.000 đồng = 393.095.000 đồng.

Chia tài sản chung cho cụ Th, ông Ch, ông Tr, bà M, chị H, chị L và chị Y mỗi người hưởng một phần bằng nhau là: $395.095.000 \text{ đồng} : 7 = 56.156.400 \text{ đồng}$.

Tại Tòa án, ông Ch1 có lời khai tự nguyện cho ông Tr hưởng toàn bộ phần tài sản của ông có trong khối tài sản chung. Xét quan điểm đó của ông Ch1 là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với pháp luật nên được ghi nhận. Như vậy, tài sản của ông Tr cùng bà M, chị L, chị H và chị Y có tổng cộng là 6 phần, trị giá là: 338.938.600 đồng. Cụ Th có 01 phần, trị giá là: 56.156.400 đồng.

Quan điểm về việc giải quyết chia tài sản chung và chia thừa kế tài sản của ông Trương Văn Tr như nêu trên là hoàn toàn có cơ sở chấp nhận.

[2.4]. Về phân chia di sản thừa kế:

Các con của cụ Th đều có lời khai thống nhất: Trước khi chết, cụ Th không để lại di chúc về tài sản, không ai yêu cầu được hưởng công sức trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng cụ Th khi còn sống và tổ chức tang ma khi cụ chết. Như vậy, tài sản của cụ Th được chia cho 04 người con thuộc hàng thừa kế thứ nhất theo pháp luật của cụ là: Ông Á, ông Ch, ông Tr và ông Ch1 với tỷ phần mỗi người hưởng một phần bằng nhau là: $56.156.400 \text{ đồng} : 4 = 14.039.100 \text{ đồng}$.

Ông Á và ông Ch cùng có lời khai cho ông Tr hưởng toàn bộ tỷ phần thừa kế các ông được chia. Xét quan điểm đó của hai ông là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với pháp luật nên được ghi nhận. Ông Tr được hưởng $\frac{3}{4}$ tài sản thừa kế của cụ Th có trị giá là 42.124.000 đồng; Ông Ch được hưởng $\frac{1}{4}$ tài sản thừa kế của cụ Th có trị giá là 14.039.100 đồng.

[2.5]. Về giao tài sản cho các bên:

- Đối với số tiền được nhận đền bù do thu hồi 119m² đất đồng Sói được chia cho ai sở hữu thì người đó có quyền tự liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để được nhận khoản tiền này.

- Đối với diện tích đất sản xuất nông nghiệp: Trong số các thừa kế của cụ Th hiện có ông Tr và ông Ch là những người trực tiếp sản xuất nông nghiệp tại địa bàn xã BH; Ông Á và ông Ch1 hiện đang cư trú, sinh sống và làm ăn ở thành phố Hồ Chí Minh.

Theo quy định tại Điều 188 của Luật Đất đai năm 2013 thì điều kiện chuyển đổi quyền sử dụng đất sản xuất nông nghiệp trong đó có quyền nhận thừa kế chỉ áp dụng cho hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp và ở cùng địa bàn xã, phường, thị trấn. Như vậy, ông Ch và ông Tr là những người có đủ điều kiện được giao sử dụng diện tích đất của cụ Th khi chia thừa kế.

- Ông Tr và bà M đề nghị Tòa án giao cho gia đình ông và ông Ch sử dụng diện tích đất của mỗi bên được chia tại thửa đất ở xứ đồng Gốc Dù để thuận tiện canh tác cho hai bên. Xét yêu cầu đó của đương sự là phù hợp nên chấp nhận.

- Bà Nguyễn Thị M và các chị Trương Thị Thanh H, Trương Thị Thanh L, Trương Thị Hải Y là vợ và các con ông Tr đề nghị được giao chung diện tích đất được chia với ông Tr để cùng sử dụng. Quan điểm đó của họ là tự nguyện, phù hợp với pháp luật nên được chấp nhận.

[2.6]. Đối với thỏa thuận giữa vợ chồng ông Trương Văn Tr, bà Nguyễn Thị M và vợ chồng ông Trương Văn T , bà Phan Thị Kim O đổi cho nhau thửa Gò Vườn diện tích 212m² được xác định là thỏa thuận miệng, không phù hợp với quy định của pháp luật đất đai về chuyển quyền sử dụng đất, nhưng giữa các bên không tranh chấp nên Tòa án không xét . Trường hợp các bên có tranh chấp và có đơn khởi kiện sẽ được Tòa án giải quyết bằng vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[3]. Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí có giá ngạch tương ứng với phần tài sản chung và kỹ phần tài sản thừa kế được chia.

Theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông Ch là người cao tuổi nên được miễn nộp toàn bộ tiền án phí phải chịu.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[5]. Đề nghị của Viện kiểm sát về việc giải quyết toàn bộ vụ án phù hợp với nhận định của Tòa án nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Các Điều: 610, 611, 612, 613, 614, 649, 650, 651, 652 và 660 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Các Điều: 100, 188 và 203 Luật Đất đai năm 2013;

- Khoản 5 và khoản 9 Điều 26 và các Điều: 228, 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điểm đ khoản 1 Điều 12; Điểm b khoản 12 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Danh mục án phí và lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết;

Xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện về chia tài sản chung và chia thừa kế tài sản của ông Trương Văn Tr.

2. Xác định tài sản chung của cụ Nguyễn Thị Th, ông Trương Văn Ch1, ông Trương Văn Tr, bà Nguyễn Thị M, chị Trương Thị Thanh H, chị Trương Thị Thanh L và chị Trương Thị Hải Y có trị giá tổng cộng là : 393.095.000đ (Ba trăm chín mươi ba triệu không trăm chín mươi lăm ngàn đồng).

3. Chia tài sản chung cho cụ Nguyễn Thị Th, ông Trương Văn Ch1, ông Trương Văn Tr, bà Nguyễn Thị M, chị Trương Thị Thanh H, chị Trương Thị Thanh L và chị Trương Thị Hải Y mỗi người hưởng 1/7 là: 56.156.430đ (Năm mươi sáu triệu một trăm năm mươi sáu ngàn bốn trăm ba mươi đồng). (Gồm: Diện tích 312,71m² đất sản xuất nông nghiệp trị giá 42.216.430 đồng và 13.940.000 đồng tiền nhận đền bù do thu hồi đất Đồng Sỏi).

4. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Trương Văn Ch 1 cho ông Trương Văn Tr hưởng phần tài sản của ông được chia . Ông Tr được hưởng tài sản là : 112.312.860đ (Một trăm mười hai triệu ba trăm mười hai ngàn tám trăm sáu mươi đồng). (Gồm: Diện tích 625,42m² đất sản xuất nông nghiệp trị giá 84.432.860 đồng và 27.880.000 đồng tiền nhận đền bù do thu hồi đất Đồng Sói).

5. Xác định di sản thừa kế của cụ Nguyễn Thị Th có là: 56.156.430đ (Năm mươi sáu triệu một trăm năm mươi sáu ngàn bốn trăm ba mươi đồng). (Gồm: Diện tích 312,71m² đất sản xuất nông nghiệp trị giá 42.216.430 đồng và 13.940.000 đồng tiền nhận đền bù do thu hồi đất Đồng Sói).

6. Xác định thời điểm mở thừa kế của cụ Nguyễn Thị Th là ngày 06 tháng 10 năm 2014. Cụ Th không để lại di chúc về tài sản, thừa kế được chia theo pháp luật cho hàng thừa kế thứ nhất gồm 04 người con của cụ là : Ông Trương Văn Á , ông Trương Văn Ch, ông Trương Văn Tr và ông Trương Văn Ch1, với kỹ phần của mỗi người được hưởng $\frac{1}{4}$ là: 14.039.100đ (Mười bốn triệu không trăm ba mươi chín ngàn một trăm đồng). (Gồm: Diện tích 78,178m² đất sản xuất nông nghiệp trị giá 10.554.100 đồng và 3.485.000 đồng tiền nhận đền bù do thu hồi đất Đồng Sói).

7. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Trương Văn Á và ông Trương Văn Ch1 cho ông Trương Văn Tr hưởng kỹ phần thừa kế của hai ông được chia . Ông Tr được hưởng 03 kỹ phần thừa kế của cụ Th là: 42.117.300đ (Bốn mươi hai triệu một trăm mười bảy ngàn ba trăm đồng). (Gồm: Diện tích 234,53m² đất sản xuất nông nghiệp trị giá 31.662.300 đồng và 10.455.000 đồng tiền nhận đền bù do thu hồi đất Đồng Sói).

Ông Trương Văn Tr được chia hưởng tài sản có trị giá tổng cộng là : 154.430.200đ (Một trăm năm mươi tư triệu bốn trăm ba mươi ngàn hai trăm đồng) (làm tròn số).

8. Giao tài sản cho các bên như sau:

- Giao cho ông Trương Văn Tr, bà Nguyễn Thị M, chị Trương Thị Thanh H, chị Trương Thị Thanh L và chị Trương Thị Hải Y (do ông Trương Văn Tr đại diện) sử dụng chung diện tích 2.110,82m² đất sản xuất nông nghiệp trị giá: 284.960.700đ (Hai trăm tám mươi tư triệu chín trăm sáu mươi ngàn bảy trăm đồng), có tại địa chỉ: Thôn B, xã BH, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội, gồm các xứ đồng: Đồng Ngòi diện tích 595m²; Hàn Tây diện tích 236m²; Gốc Dù diện tích 160,82m²; Sau Làng diện tích 301m²; Gò Vườn gồm 02 thửa: 01 thửa diện tích 314m²; 01 thửa diện tích 212m² và Chùa Bụt diện tích 292m²; Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bìa số R 169542 do Ủy ban nhân dân huyện Đông Anh cấp cho Hộ gia đình cụ Nguyễn Thị Th ngày 23 tháng 05 năm 2000. Và sở hữu số tiền 94.095.000đ (Chín mươi tư triệu không trăm chín mươi lăm ngàn đồng) được nhận đền bù do thu hồi đất đồng Sói . Tổng cộng tài sản được giao là : 379.055.700đ (Ba trăm bảy mươi chín triệu không trăm năm mươi lăm ngàn bảy trăm đồng). (Trong đó: Ông Tr được sử dụng diện tích 860m² đất và 38.355.000 đồng tiền nhận đền bù; Bà M, chị H, chị L và chị Y được chia diện tích là : 1.250,82m² và 55.760.000 đồng tiền nhận đền bù).

- Giao cho ông Trương Văn Ch sử dụng diện tích 78,18m² đất sản xuất nông nghiệp có trong thửa Gốc Dù, trị giá 10.554.300đ (Mười triệu năm trăm năm mươi tư ngàn ba trăm đồng); Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bìa số R 169542 do Ủy ban nhân dân huyện Đông Anh cấp cho Hộ gia đình cụ Nguyễn Thị Th ngày 23 tháng 05 năm 2000. Và sở hữu số tiền 3.485.000đ (Ba triệu bốn trăm tám mươi lăm ngàn đồng) được nhận đền bù do thu hồi đất đồng Sói. Tổng cộng ông Chén được giao tài sản là: 14.039.300đ (Mười bốn triệu không trăm ba mươi chín ngàn ba trăm đồng).

9. Làm ranh giới đất tại thửa đồng Gốc Dù cho gia đình ông Trương Văn Tr và ông Trương Văn Ch sử dụng như sau:

- Giao cho ông Trương Văn Tr, bà Nguyễn Thị M, chị Trương Thị Thanh L, chị Trương Thị Thanh H và chị Trương Thị Hải Y sử dụng chung diện tích 160,82m² có trong thửa đồng Gốc Dù có kích thước các cạnh: Phía bắc giáp bờ 12,96m; Phía nam giáp thửa nhà ông bà Kh 5,87m + 8,19m; Phía đông giáp thửa nhà ông bà Thanh T 15,5m; Phía tây giáp diện tích đất của ông Ch 9,47m.

- Giao cho ông Trương Văn Ch sử dụng diện tích 78,18m² có trong thửa đồng Gốc Dù có kích thước các cạnh: Phía bắc giáp bờ 9,8m; Phía nam giáp thửa nhà ông bà Kh 11,91m; Phía đông giáp diện tích đất gia đình ông Tr 9,47m; Phía tây giáp nhà ông L 5,35m.

(Có sơ đồ chia đất kèm theo).

10. Ông Trương Văn Tr, bà Nguyễn Thị M, chị Trương Thị Thanh L, chị Trương Thị Thanh H và chị Trương Thị Hải Y và ông Trương Văn Ch có quyền tự liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục cấp giấy chứng nhận đối với diện tích đất sản xuất nông nghiệp được chia theo quy định của pháp luật về đất đai.

11. Ông Trương Văn Tr, bà Nguyễn Thị M, chị Trương Thị Thanh H, chị Trương Thị Thanh L, chị Trương Thị Hải Y (do ông Trương Văn Tr đại diện) và ông Trương Văn Ch có quyền tự liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để nhận số tiền đền bù do thu hồi thửa đồng Sói được chia theo bản án.

12. Không giải quyết giao dịch đổi đất giữa vợ chồng ông Trương Văn Tr, bà Nguyễn Thị M và vợ chồng ông Trương Văn T, bà Phan Thị Kim O. Trường hợp có tranh chấp và có đơn khởi kiện sẽ được Tòa án giải quyết bằng vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

13. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Trương Văn Tr phải nộp 7.721.500đ (Bảy triệu bảy trăm hai mươi một ngàn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm vào ngân sách Nhà nước. Ông Tr đã nộp 1.168.000đ (Một triệu một trăm sáu mươi tám ngàn đồng) tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA /2019/0008725 ngày 14 tháng 01 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Anh, nay được trừ vào tiền án phí phải nộp. Ông Tr còn phải nộp tiếp 6.553.500đ (Sáu triệu năm trăm năm mươi ba ngàn năm trăm đồng) tiền án phí.

- Ông Trương Văn Ch phải nộp 702.000đ (Bảy trăm linh hai ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm . Ông Ch thuộc đối tượng người cao tuổi nên được miễn nộp toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Nguyễn Thị M , chị Trương Thị Thanh H , chị Trương Thị Thanh L và chị Trương Thị Hải Y mỗi người phải nộp 2.807.800đ (Hai triệu tám trăm linh bảy ngàn tám trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm vào ngân sách Nhà nước.

14. Về quyền kháng cáo:

- Ông Trương Văn Tr có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

- Ông Trương Văn Ch có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ.

- Bà Nguyễn Thị M, ông Trương Văn T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án về phần có liên quan trong vụ án.

- Ông Trương Văn Á , ông Trương Văn Ch1, chị Trương Thị Thanh H , chị Trương Thị Thanh L, chị Trương Thị Hải Y và bà Phan Thị Kim O có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ về phần có liên quan trong vụ án.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND. huyện Đông Anh;
- TAND TP. Hà Nội;
- Chi cục THADS. huyện Đông Anh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Ngọc Lân

